

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT QUÂN ANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT QUÂN ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUAN ANH PRODUCTION SERVICE TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2300972994

**3. Ngày thành lập:** 18/01/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

(NR Trần Đình Tuyền) thôn Long Khám, Xã Việt Đoàn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0989800003

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741     |
| 2.  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                               | 2395     |
| 3.  | In ấn                                                                                                  | 1811     |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                        | 4322     |
| 5.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                         | 4330     |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                              | 5222     |
| 7.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                       | 5224     |
| 8.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                | 5630     |
| 9.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                       | 2591     |
| 10. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                               | 1812     |
| 11. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                             | 2512     |
| 12. | Xây dựng công trình công ích                                                                           | 4220     |
| 13. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                      | 4312     |
| 14. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                              | 5510     |
| 15. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                | 4791     |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                         | 4933     |
| 17. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                          | 2822     |
| 18. | Xây dựng nhà các loại                                                                                  | 4100     |
| 19. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                              | 4210     |
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                             | 4290     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                 | 8299        |
| 22. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                         | 4659        |
| 24. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390        |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                     | 5229        |
| 26. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321        |
| 27. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                          | 4329        |
| 28. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                     | 4651        |
| 29. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742        |
| 30. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210        |
| 31. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610        |
| 32. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649        |
| 33. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663        |
| 34. | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                                                                                                           | 2393        |
| 35. | Vận tải bằng xe buýt                                                                                                                                                    | 4920        |
| 36. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                        | 4932        |
| 37. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ                                                                                                    | 5221        |
| 38. | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý                                                                                                                                   | 2420        |
| 39. | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                           | 2431        |
| 40. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                          | 2511        |
| 41. | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)                                                                                                                                | 2513        |
| 42. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                      | 2394        |
| 43. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                   | 5021        |
| 44. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                      | 5590        |
| 45. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                           | 5621        |
| 46. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592(Chính) |
| 47. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                                   | 2824        |
| 48. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652        |
| 49. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                   | 2392        |
| 50. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                | 2410        |
| 51. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 52. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 53. | Đúc kim loại màu                                                                                                                                                        | 2432        |
| 54. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                    | 5629        |

|     |                                                                                                                                                                                        |                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 55. | Chi chú: Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: **TRẦN ĐÌNH TUYỀN** Giới tính: *Nam*  
Sinh ngày: *03/10/1976* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
Số giấy chứng thực cá nhân: *151569537*  
Ngày cấp: *22/02/2002* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Nam Tiến, Xã Hồng An, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*  
Chỗ ở hiện tại: *Số nhà E10, tổ dân phố 7, thôn Gia Trung, Thị Trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **TRẦN ĐÌNH TUYỀN** Giới tính: *Nam*  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: *03/10/1976* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
Số giấy chứng thực cá nhân: *151569537*  
Ngày cấp: *22/02/2002* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Nam Tiến, Xã Hồng An, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*  
Chỗ ở hiện tại: *Số nhà E10, tổ dân phố 7, thôn Gia Trung, Thị Trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh